

Bản án số: 19/2023/HS-ST

Ngày: 11/5/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy P, sinh năm 1977; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; nơi cư trú: khóm L.H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1951 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1960; có vợ là Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1977; có 01 con, sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2022 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bùi Quốc N, là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH một thành viên A-T – Đoàn luật sư thành phố C, (có mặt).

Bị hại: Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: khóm L.H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1977; nơi cư trú: khóm L.H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1977; nơi cư trú: khóm M, phường P, thành phố C, tỉnh Đ.T, (có mặt).

Người làm chứng:

- Chị Lê Thị M, (có mặt).

- Anh Trần Văn T.A, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/11/2022, sau khi uống bia, Nguyễn Duy P cầm 01 ống tuýp bằng kim loại, dài khoảng 80cm, đến trại mộc của Đào Văn Đ tại khóm L.H, thị trấn C (cách nhà Phương khoảng 10m), để đòi tiền Đ mượn trước đó, nhưng Đ không trả, dẫn đến hai bên cự cãi. Tức giận, P cầm ống tuýp bằng kim loại trên tay phải đánh 01 cái hướng vào vùng đầu của Đ, thì Đ đưa tay trái lên đỡ, làm trúng vào cẳng tay trái của Đ; Đ nhặt đoạn gỗ dài khoảng 2,2m cầm trên tay phải để đánh lại P, nhưng do đoạn gỗ mỏng dẻo không đánh được, nên Đ bỏ đoạn gỗ xuống đất, rồi ôm P câu vật ngã vào vách trại mộc, thì được Lê Thị M (vợ của Đ) chạy đến can ngăn, nên Đ, P đứng dậy. M ôm P lại can ngăn, nhưng P tiếp tục cầm ống tuýp bằng kim loại đứng đối diện chồm người đánh liên tiếp 02 cái trúng vào vùng trán, đầu của Đ, thì Đ nhặt ghế gỗ gần đó đánh trả lại P, P đưa hai tay lên đỡ, làm trúng vào hai tay rút ống tuýp xuống đất, rồi Đ bỏ chạy, còn P nhặt ống tuýp ném bỏ xuống sông, đi về nhà. Sau đó, Đ được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C và Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang cấp cứu, điều trị. Ngày 15/11/2022, P đến Công an thị trấn C đầu thú; bị khởi tố, tạm giam để điều tra xử lý.

Quá trình điều tra thu vật chứng: 01 cái ghế gỗ kích thước (0,27x 0,27 x 0,47)cm của Đào Văn Đ.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 637/22/TgT ngày 05/12/2022 và Công văn số 02/Tlo-TTPY ngày 07/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, kết luận thương tích đối với Đào Văn Đ: Sẹo trán - đỉnh, kích thước (6,5x0,3)cm; Sẹo đỉnh trái kích thước (4x0,2)cm; Sẹo trán phải - đầu cung mày phải kích thước (2x0,1)cm; Sẹo sát dạng mảnh để lại sẹo vùng sống mũi kích thước (0,5x0,2)cm; Sẹo mặt lưng đốt 1 - 2 ngón I bàn tay phải kích thước (3x0,2)cm; Chấn thương cẳng tay trái: Gãy kín 1/3 dưới hai xương cẳng tay trái, đã phẫu thuật kết hợp xương. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28%. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây nên. Sẹo trán - đỉnh, sẹo đỉnh trái và sẹo trán phải - đầu cung mày phải thuộc vùng trọng yếu cơ thể, nhưng do vết thương nông không tổn thương nội sọ nên không nguy hiểm đến tính mạng.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSCM ngày 07/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy P về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Khai nhận do tức giận việc bị hại Đ có vay tiền, nhiều lần đòi nhưng Đ không trả, nên bị cáo đã dùng ống tuýp bằng kim loại, dài khoảng 80cm đánh trúng cẳng tay trái, vùng trán, đầu gây thương tích cho Đ đúng như nội dung bản Kết luận giám định thương tích của Cơ quan chuyên môn; Đối với việc bị hại Đ có đánh trả gây thương tích, do thương tích không đáng kể, xác định không yêu cầu xử lý hình sự đối với anh Đ. Bị cáo đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại, tổn thất, mất thu nhập theo yêu cầu của bị hại.

- Bị hại Đào Văn Đ, ngày 14/11/2022, bị P dùng ống tuýp bằng kim loại đánh gây thương tích, như nội dung vụ án; xác nhận đã nhận 100.000.000 đồng bồi thường thiệt hại từ L (vợ của bị cáo); Quá trình điều tra, yêu cầu bị cáo P bồi thường thêm số tiền 150.000.000 đồng; tổng cộng tất cả các khoản thiệt hại, kể cả khoản tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập là 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh xin rút lại một phần yêu cầu về bồi thường chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tất cả các khoản thiệt hại gồm: chi phí điều trị, cấp cứu, kể cả khoản tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập là 180.000.000 đồng (rút lại 70.000.000 đồng so với giai đoạn điều tra); xác nhận đã nhận từ bị cáo, gia đình bị cáo số tiền 100.000.000 đồng. Vì vậy, anh yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thêm 80.000.000 đồng.

Bị cáo có ý kiến, trước đây có cho bị hại Đ và vợ (chị Lê Thị M) vay số tiền 30.000.000 đồng, xin xem xét căn trừ vào số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường trong vụ án này. Bị hại Đ và vợ (chị M) thừa nhận có vay tiền, khi vay không làm biên nhận mà chỉ thỏa thuận giao dịch miệng, còn nợ phía bị cáo 30.000.000 đồng; đồng ý với ý kiến căn trừ một phần nghĩa vụ bị cáo phải thực hiện.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị Ngọc L (vợ của P trình bày phù hợp lời khai bị cáo, bị hại, phù hợp nội dung vụ án. Chị L mượn của ông K (anh ruột bị cáo) 100.000.000 đồng để bồi thường cho Đ. Có ý kiến yêu cầu P trả lại cho K.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy K (anh ruột của bị cáo), xác định cho bị cáo P và L (vợ bị cáo) mượn 100.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại Đ. Đây là tiền cá nhân của anh, anh tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo và chị L phải hoàn trả lại cho anh số tiền này.

- Người làm chứng Lê Thị M có lời khai phù hợp với những tình tiết, nội dung được thu thập có trong hồ sơ vụ án; thừa nhận chị và anh Đ có vay tiền còn nợ phía bị cáo P số tiền 30.000.000 đồng (khi vay chỉ thỏa thuận miệng, không

lập văn bản), đồng ý trả và ý kiến khấu trừ một phần nghĩa vụ bồi thường đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, đánh giá tính chất vụ án, mức độ và hậu quả của vụ án tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 9 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Đ yêu cầu bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, chi phí mất thu nhập tổng cộng 250.000.000 đồng; xác nhận đã nhận của bị cáo, gia đình bị cáo số tiền bồi thường 100.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường thêm 150.000.000 đồng; Tại phiên tòa, ông Đ rút lại một phần yêu cầu so với trước đây, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 80.000.000 đồng, rút lại 70.000.000 đồng; bị cáo đồng ý theo yêu cầu của bị hại nên ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên. Buộc bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng.

Đối với ý kiến của bị cáo cho rằng bị hại và vợ (chị M) còn nợ bị cáo số tiền vay 30.000.000 đồng, thời điểm vay các bên chỉ giao dịch miệng, không lập văn bản; bị cáo, vợ chồng bị hại đồng ý khấu trừ vào nghĩa vụ bị cáo phải thực hiện. Tuy nhiên, đây là giao dịch dân sự phát sinh từ hợp đồng vay giữa các bên không thực hiện việc cân trừ trong vụ án này mà ghi nhận sự thừa nhận khoản nợ của anh Đ, chị M còn nợ bị cáo 30.000.000 đồng và dành quyền khởi kiện cho bị cáo bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về xử lý vật chứng: đối với thanh kim loại bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại; sau khi gây án bị cáo đã ném bỏ xuống sông. Cơ quan điều tra không thu hồi được, không đặt ra xem xét. Đối với, 01 cái ghế gỗ kích thước (0,27x0,27x0,47)cm là vật liên quan đến vụ án, không giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm, thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: nhân thân chưa tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo và bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại, tổn thất cho bị hại, đồng ý tiếp tục bồi thường thêm theo yêu cầu bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là lao động chính trong gia đình, học vấn thấp, sau khi phạm tội tự nguyện đến Công an đầu thú; có người thân tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương; trong vụ án này, bị cáo cũng bị ông Đ đánh gây thương tích nhưng không yêu cầu xử lý; do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự với mức đề xuất 02 năm tù cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo. Về phần bồi thường, đề nghị xem xét giảm một phần bồi thường cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại Đ tự nguyện thỏa thuận, ngoài số tiền đã bồi thường giao cho bị hại 100.000.000 đồng thì bị cáo đồng ý bồi thường thêm 80.000.000 đồng (tổng cộng các khoản là 180.000.000 đồng, bị hại đã rút lại 70.000.000 đồng so với giai đoạn điều tra); sự thỏa thuận bị cáo và bị hại là tự nguyện nên không ý kiến.

Kiểm sát viên tranh luận, mức hình phạt đề nghị đã căn cứ vào việc đánh giá các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, sử dụng hung khí nguy hiểm, phạm tội có tính “côn đồ”, gây thương tích cho bị hại với nhiều vết thương với tỷ lệ 28%; để đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, nhất là đối với các tội xâm phạm về tính mạng, sức khỏe có chiều hướng diễn biến ngày càng phức tạp nên mức hình phạt đã đề nghị là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra, giữ quan điểm hình phạt như luận tội.

Sau khi nghe quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời bào chữa của người bào chữa, bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng Trần Văn T.A vắng mặt không rõ lý do, đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo đúng quy định. Quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai, sự vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng, trở ngại đến việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa nếu cần thiết. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Duy P tại phiên tòa và trong giai đoạn điều tra là phù hợp với nhau; phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng về diễn biến, tình tiết của vụ án; phù hợp với Biên bản người phạm tội đầu thú, Biên bản khám nghiệm, bản ảnh, sơ đồ hiện trường ngày 14/12/2022; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích

số 637/22/TgT ngày 14/12/2022 và Công văn số 02/Tlo-TTPY ngày 07/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang và phù hợp hung khí bị cáo, người làm chứng mô tả lại, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ cơ sở xác định: sau khi uống bia, nhớ lại nhiều lần đòi số tiền còn nợ nhưng bị hại không trả, gọi điện thì bị hại không nghe máy, bị cáo P cầm 01 ống tuýp bằng kim loại, dài khoảng 80cm, đến trại mộc của bị hại Đ (cách nhà P khoảng 10m), đòi tiền, khi Đ nói không tiền trả, hai bên cự cãi thì bị cáo cầm ống tuýp trên tay phải đánh 01 cái hướng vào vùng đầu bị hại, bị hại đưa tay trái lên đỡ, trúng vào cẳng tay trái; bị hại nhặt đoạn gỗ dài khoảng 2,2m cầm trên tay phải đánh lại bị cáo nhưng do đoạn gỗ mỏng dẻo, dài không đánh được; bị hại bỏ đoạn gỗ xuống đất, ôm bị cáo câu vật ngã vào vách trại mộc thì được Lê Thị M (vợ bị hại) chạy đến can ngăn; bị cáo và bị hại đứng dậy thời điểm chị M ôm bị cáo lại can ngăn, nhưng bị cáo tiếp tục cầm ống tuýp bằng kim loại đứng đối diện chồm người đánh liên tiếp 02 cái trúng vào vùng trán, đầu của bị hại; bị hại cầm ghế gỗ gần đó đánh trả lại bị cáo, bị cáo đưa hai tay lên đỡ, rút ống tuýp xuống đất; bị hại bỏ chạy, bị cáo nhặt ống tuýp ném bỏ xuống sông, đi về nhà.

Hành vi bị cáo là nguy hiểm, dùng ống tuýp bằng kim loại (dài khoảng 80cm) đánh nhiều cái gây thương tích cho bị hại Đào, theo Kết luận giám định về thương tích số 637/22/TgT ngày 05/12/2022 và Công văn số 02/Tlo-TTPY ngày 07/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, xác định: bị hại Đào Văn Đào: Sẹo trán - đỉnh; Sẹo đỉnh trái; Sẹo trán phải - đầu cung mày phải; Sẹo sát dạng mảnh để lại sẹo vùng sống mũi; Sẹo mặt lưng đốt 1 - 2 ngón I bàn tay phải; Chấn thương cẳng tay trái: Gãy kín 1/3 dưới hai xương cẳng tay trái, đã phẫu thuật kết hợp xương. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28%. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây nên. Sẹo trán - đỉnh, sẹo đỉnh trái và sẹo trán phải - đầu cung mày phải thuộc vùng trọng yếu cơ thể, nhưng do vết thương nông không tổn thương nội sọ nên không nguy hiểm đến tính mạng.

Căn cứ tiêu mục 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP -TANDTC ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thanh kim loại bị cáo sử dụng đánh bị hại được xác định là “*hung khí nguy hiểm*”, và với nguyên cơ nhỏ nhất bị cáo đã chủ động chuẩn bị hung khí tìm và đánh bị hại thể hiện rõ tính “*côn đồ*”.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Duy P về tội danh, Điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, có căn cứ.

[3] Bị cáo Nguyễn Duy P là người trưởng thành, đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp, cố ý thực hiện với ý thức mong muốn hậu quả xảy ra. Chỉ vì xích mích nhỏ trong cuộc sống hàng ngày; lẽ ra, khi đòi tiền và được bị hại trả lời chưa có tiền trả thì bị cáo cần phải bình tĩnh, tìm cách xử sự khác cho phù hợp hoặc thực hiện quyền khởi kiện vụ án theo thủ tục dân sự. Với bản tính cố chấp, sẵn sàng dùng vũ lực để hơn thua, bị cáo đã lấy đoạn thanh kim loại, dài khoảng 80cm, chủ động đến nhà tìm và khi lời qua tiếng lại thì lập tức đánh bị hại làm trúng vào cẳng tay trái; bị hại nhặt đoạn gỗ nhưng do đoạn gỗ mỏng dẻo không đánh được; bỏ đoạn gỗ xuống đất ôm câu vật với bị cáo ngã vào vách trại mộc, được M (vợ của bị hại) chạy đến can ngăn; khi cả hai đứng dậy. Mặc dù, chị M đã ôm bị cáo lại can ngăn, không muốn sự việc đánh nhau tiếp tục diễn ra, nhưng bị cáo tiếp tục cầm ống tuýp bằng kim loại đứng đối diện chồm người đánh liên tiếp 02 cái trúng vào vùng trán, đầu của bị hại gây nhiều vết thương thương tích với tỷ tích 28%.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây lo sợ trong nhân dân mỗi khi có mâu thuẫn thì giải quyết, hành xử bằng vũ lực mà không cần đến sự can thiệp của chính quyền địa phương nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra là áp dụng mức án nghiêm nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đánh giá các tình tiết khác có liên quan: Đối với, việc bị cáo bị Đ dùng ghế gỗ đánh trúng hai tay, do thương tích không đáng kể, bị cáo từ chối giám định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu xử lý hình sự, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, bị cáo và gia đình khắc phục bồi thường hậu quả cho bị hại, tiếp tục đồng ý bồi thường thêm theo yêu cầu bị hại, bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, có người thân (ông Nội, ông cô Ngoại) tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, sau khi phạm tội đến Công an đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc là căn cứ giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường các khoản điều trị, ăn uống, mất thu nhập của bị hại, vợ bị hại nuôi bệnh trong 7 ngày với số tiền 9.800.000 đồng và yêu cầu tiền tổn thất tinh thần, tổn hại sức khỏe, mất thu nhập trong thời gian điều trị đến khi hồi phục và lao động lại bình

thường với số tiền 240.200.000 đồng. Tổng cộng 250.000.000 đồng; Bị hại xác định, quá trình điều tra đã nhận từ bị cáo, gia đình bị cáo số tiền 100.000.000 đồng; yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thêm 150.000.000 đồng; Tại phiên tòa, bị hại Đ rút lại một phần yêu cầu về bồi thường so với trước đây; cụ thể anh Đ rút lại, chỉ yêu cầu tổng cộng các khoản bồi thường là 180.000.000 đồng (rút lại số tiền 70.000.000 đồng) so với trước đây, do đã nhận 100.000.000 đồng nên yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 80.000.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường thêm 80.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại, đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái luật nên ghi nhận. Buộc bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng.

[6.2] Ý kiến về việc thừa nhận còn nợ khoản tiền vay: Bị hại Đ, chị Lê Thị M (vợ bị hại) thừa nhận trước đây có vay tiền của bị cáo, khi vay các bên không làm giấy tờ mà chỉ thông qua giao dịch miệng. Bị hại Đ và chị M xác định còn nợ phía bị cáo 30.000.000 đồng. Bị cáo với bị hại, chị M có ý kiến xin xem xét cân trừ số tiền này vào một phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo; Theo đó, bị cáo còn phải bồi thường thêm cho bị hại 50.000.000 đồng.

Trên cơ sở ý kiến cân trừ của các bên, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay của các bên phát sinh từ giao dịch dân sự độc lập; bị hại và vợ (chị M) thừa nhận còn nợ bị cáo số tiền 30.000.000 đồng và đồng ý cân trừ nợ. Tuy nhiên, đây là giao dịch dân sự riêng giữa các bên thông qua hợp đồng vay, không thể thực hiện việc cân trừ một phần nghĩa vụ bị cáo trong vụ án này. Trường hợp bị hại Đào Văn Đ, vợ (Lê Thị M) không trả số tiền trên thì phía bị cáo P được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Vì vậy, buộc bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu).

Dành quyền khởi kiện cho phía bị cáo bằng một vụ kiện dân sự khác đối với số tiền vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) mà phía anh Đào Văn Đ, chị Lê Thị M thừa nhận còn nợ.

Ngoài ra, ông Nguyễn Duy K xác định ông cho vợ chồng bị cáo mượn 100.000.000 đồng bồi thường cho bị hại. Tại tòa, ông K xác định do là anh em ruột, đồng ý bỏ tiền ra bồi thường; ông K không yêu cầu bị cáo và vợ (chị Võ Thị Ngọc L) phải trả lại cho ông. Đây là sự tự nguyện của ông K, không trái luật nên không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ, đối với thanh kim loại bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại, sau khi gây án bị cáo đã ném bỏ xuống sông. Cơ quan điều tra không thu hồi được, không đặt ra xem xét. Đối với 01 (một) cái ghế gỗ kích thước (0,27x 0,27 x 0,47) cm của bị hại Đào là vật chứng có liên quan đến vụ án, không giá trị nên tịch thu tiêu hủy

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đánh giá luận tội của kiểm sát viên và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo;

[9.1] Luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp được Hội đồng xét xử xem xét.

[9.2] Lời bào chữa của Luật sư đề nghị áp dụng mức hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, cụ thể 02 năm tù; Trên cơ sở đánh giá các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, sử dụng hung khí nguy hiểm, thực hiện hành vi phạm tội thể hiện rõ tính “côn đồ”, gây thương tích cho bị hại nhiều vết thương với tỷ lệ 28%; để đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, nhất là đối với các tội xâm phạm về tính mạng, sức khỏe có chiều hướng diễn biến ngày càng phức tạp nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa đối với ý kiến này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh, hình phạt áp dụng:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 02 năm 3 tháng tù (hai năm ba tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/11/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: *Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Buộc bị cáo Nguyễn Duy P có nghĩa vụ bồi thường 80.000.000 đồng (tám mươi triệu) cho bị hại Đào Văn Đ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: *căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái ghế gỗ kích thước (0,27x0,27x0,47)cm. Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tạm quản lý (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

4. Về án phí: *Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo Nguyễn Duy P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000 đồng (bốn triệu) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;*

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Nhà Tạm giữ - Công an H. Chợ Mới;
- CQTHAHS - Công an H. Chợ Mới;
- CQĐT - Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- BP Thi hành án - Tòa án;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HSVA; Văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong